

Số: /KH-SKHCN

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025

Thực hiện Chỉ thị 06/CT-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tỉnh Quảng Ngãi và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 691/SKHĐT-TH ngày 29/4/2020, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025 như sau:

I. Hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016 - 2020

1. Tình hình thực hiện chính sách về KH&CN và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn 2016-2020

- Thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020 tại Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 01/6/2018. Và ngày 4/3/2019 UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch “Xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025 tại Quyết định số 259/QĐ-UBND để thay thế Quyết định số 878/QĐ-UBND

- Kế hoạch số 2171/KH-UBND ngày 28/12/2018 về việc “Xây dựng phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020”

- Tổ chức lớp tập huấn phổ biến các chỉ số Đổi mới sáng tạo cho các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Lớp tập huấn đã cung cấp các kiến thức cơ bản về chỉ số Đổi mới sáng tạo, phương thức tính toán và đánh giá cho 110 cán bộ của các Sở, ngành tham gia. Đồng thời UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện thành phố thực hiện cải thiện chỉ số Đổi mới sáng tạo của tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian qua các Sở, ngành, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tích cực triển khai các nhiệm vụ để cải thiện chỉ số Đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết 19-2017/NQ-CP, bước đầu đã tạo ra những chuyển biến tích cực, tuy nhiên vẫn còn hạn chế nhất định. Để cải thiện các chỉ số Đổi mới sáng tạo ở địa phương trong năm 2019 và những năm tiếp theo nhằm góp phần cùng cả nước đạt chỉ số Đổi mới sáng tạo trung bình ASEAN 5.

UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, đồng thời các cơ quan, đơn vị cần tiếp tục quán triệt, phổ biến và triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 28/2/2017 của UBND tỉnh.

2. Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo

2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020, Sở Khoa học và Công nghệ tập trung nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/12/2016.

Mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 xác định, hoạt động khoa học và công nghệ đảm bảo cung cấp cơ sở khoa học cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh gắn với phát triển bền vững; phục vụ có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến 2020; nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa trong tỉnh, góp phần đưa Quảng Ngãi sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại. Để thực hiện các mục tiêu này, hoạt động khoa học và công nghệ tập trung:

a/ Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới

Với mục tiêu, KH&CN phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Tăng năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng vật nuôi, tăng thu nhập cho nông dân, xây dựng nông thôn mới góp phần tạo nền sản xuất xanh, sạch, bảo đảm an toàn thực phẩm và sức khỏe nhân dân, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng đã tập trung ưu tiên triển khai nhiều chương trình đề tài, dự án phục vụ

nông nghiệp để hỗ trợ phát triển các sản phẩm và giải quyết các khâu trong chuỗi giá trị, đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng, phát triển nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế ở địa phương, bước đầu đạt được nhiều kết quả khả quan. Bên cạnh đó để đưa các tiến bộ khoa học và công nghệ vào khu vực nông thôn và miền núi, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 01/9/2016. Giai đoạn 2016 đến nay, có 36/45 nhiệm vụ KHCN được triển khai trên địa bàn, trong đó có 04 nhiệm vụ cấp nhà nước. Một số kết quả nổi bật:

Đã hoàn thành việc chuyển giao ứng dụng thành công tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển chăn nuôi bò thành nghề sản xuất chính của nông hộ trên địa bàn huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức; Ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh; Hỗ trợ xây dựng vùng chuyên canh cây thanh long ruột đỏ LD1 tại thị trấn Trà Xuân, xã Trà Phú và xã Trà Bình huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi; Sản xuất tỏi đen từ tỏi Lý Sơn; Thực nghiệm các giải pháp kỹ thuật trong canh tác tỏi ở Lý Sơn (canh tác tỏi không bổ sung đất, không thay cát).

*** Về trồng trọt:**

- Về phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ: Đã tiến hành ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa gạo hữu cơ chất lượng cao tại Quảng Ngãi và hình thành chuỗi giá trị sản xuất tiêu thụ lúa gạo hàng hóa nhằm góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững cho nghề trồng lúa truyền thống, nâng cao thu nhập cho doanh nghiệp và người dân tại xã Hành Nhân và Hành Phước, huyện Nghĩa Hành.

- Về phát triển giống cây trồng mới, có hiệu quả trên địa bàn tỉnh: đã triển khai thực hiện đề tài “Nghiên cứu xác lập cơ cấu cây trồng hiệu quả trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi”, đề tài thực hiện với mục tiêu xác định được một số cơ cấu cây trồng có hiệu quả kinh tế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phù hợp với tập quán canh tác ở vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi; đề tài: “Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực Miền Trung” đã tiến hành chọn tạo các giống lúa mới (QNg6, QNg13) ngắn ngày, có năng suất chất lượng vượt trội, được Hội đồng KH-CN Cục Trồng

trọt - Bộ NN và PTNT công nhận và cho sản xuất thử, góp phần bổ sung vào cơ cấu giống lúa của tỉnh, chủ động được nguồn giống tốt tại chỗ, đối phó với tình hình biến đổi khí hậu trong sản xuất lúa, tăng thu nhập cho nông dân tại Quảng Ngãi và một số tỉnh khác tại khu vực Miền Trung.

- Về phát triển các sản phẩm đặc thù của tỉnh, đã triển khai đề tài “Nghiên cứu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống cây quế bản địa Trà Bồng tại Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn”, tạo nguồn giống ổn định có chất lượng cao phục vụ cho sản xuất tại địa phương, góp phần làm giàu quỹ gen giống quế đặc sản có giá trị kinh tế cao ở tỉnh, đến nay đã thực hiện trồng mới 10 ha quế, cây sinh trưởng và phát triển tốt; dự án “Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận chè Minh Long” đã xây dựng mạng lưới tổ chức quản lý và khai thác có hiệu quả, bền vững sản phẩm chè xanh Minh Long; trồng mới 6 ha chè tại 03 xã của huyện, góp phần tăng thu nhập ổn định cho đồng bào dân tộc miền núi ở huyện Minh Long.

Nhằm phát triển một sản phẩm địa phương có giá trị về mặt thương mại, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, mang lại thu nhập cho người dân và thương hiệu về đặc sản vùng của tỉnh, gìn giữ nguồn gen bản địa quý hiếm, bảo tồn tự nhiên và đa dạng sinh học cho hệ sinh thái tự nhiên, phát triển sinh kế, ổn định thu nhập của người dân trên địa bàn đang triển khai đề tài “Nghiên cứu bảo tồn và phát triển vùng ớt xiêm rừng tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi”; Tiếp tục phát triển và bảo vệ thương hiệu tỏi Lý Sơn, đang triển khai dự án “Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý tỏi Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi” và đề tài: “Xây dựng vùng chuyên canh sản xuất củ Hành tím theo tiêu chuẩn sạch (sản xuất hữu cơ) và xây dựng nhãn hiệu Hành tím Vạn Tường-Bình Sơn tại xã Bình Hải, Bình Sơn, Quảng Ngãi”.

- Tiếp tục triển khai mới các nhiệm vụ KH&CN tập trung hình thành chuỗi liên kết bền vững giữa nông dân- Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp và doanh nghiệp từ sản xuất, chế biến, tạo sản phẩm hàng hóa, xây dựng nhãn hiệu và tiêu thụ sản phẩm giúp nâng cao giá trị của sản phẩm nông nghiệp như dự án “Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng vùng chuyên canh lạc (đậu phộng) trên đất lúa và màu kém hiệu quả theo chuỗi giá trị tại xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi”; dự án “Xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ nghệ dưới tán rừng keo mới trồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”...

Đặc biệt đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình nông thôn miền núi đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của nông thôn miền núi. Cụ thể, năm 2018 dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình cánh đồng lớn sản xuất nguyên liệu sắn tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi” đã triển khai 30 ha mì trên địa bàn 3 xã của huyện Sơn Hà (Sơn Trung: 10 ha (Mì thuần: 7,5ha/22 hộ, mì xen đậu đen: 2,5ha/5 hộ); Sơn Linh:

7,5ha (Mì thuần: 2,5ha/9 hộ, mì xen đậu đen: 2,5ha/10 hộ, mì xen đậu phụng: 2,5ha/13 hộ); Sơn Cao: 12,5ha (Mì thuần: 5ha/18 hộ, mì xen đậu đen: 2,5ha/21 hộ, mì xen đậu phụng: 5ha/20 hộ). Năng suất bình quân mì: Mô hình trồng Mì thuần 35,5 tấn/ha; Mô hình trồng Mì trồng xen đậu đen: 32,1 tấn/ha; Mô hình trồng Mì trồng xen lạc: 31,3 tấn/ha; Năng suất Đậu đen >8,2 tạ/ha; Năng suất Lạc: 16,4 tạ/ha. Bình quân hàm lượng tinh bột đạt 26,6%. Hiệu quả kinh tế tăng hơn 10% so với phương thức canh tác truyền thống.

Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp-nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả ở huyện Sơn Tịnh” đã triển khai thực hiện mô hình thâm canh ngô lai giống LVN61 và CP333 trên đất lúa kém hiệu quả với diện tích hơn 160ha, năng suất bình quân đạt 71,3 tạ/ha hiệu quả kinh tế tăng 40,2% so với trồng lúa. Bên cạnh đó, dự án xây dựng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp-hợp tác xã-nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến.

*** Về chăn nuôi:**

- Trong chăn nuôi bò, đã tiến hành triển khai các nhiệm vụ KH&CN hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển chăn nuôi bò lai, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi và hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển đàn bò lai hướng thịt trên nền bò cái Zê bu tại các xã miền núi huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó tập trung vào việc phối tinh bò ngoại các giống (Droughtmaster, Charolais, BBB,...) nhằm cải thiện tầm vóc đàn bò trong tỉnh và ứng dụng KH&CN trong việc nuôi thâm canh bê lai hướng thịt (18 tháng tuổi), xây dựng vườn cỏ chất lượng cao, mô hình chăn nuôi bò sinh sản và bổ sung thức ăn tinh và thức ăn ủ chua (tận dụng phụ phẩm nông nghiệp) góp phần tăng hiệu quả trong chăn nuôi tại huyện Đức Phổ và huyện Sơn Tịnh. Đến nay, hiệu quả của các mô hình được nông dân hưởng ứng và ứng dụng triển khai nhân rộng.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ KH&CN hỗ trợ liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm để tạo ra sản phẩm từ chăn nuôi sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm, như: Ứng dụng khoa học và công nghệ tuyển chọn, nhân giống và phát triển chăn nuôi gà thả đồi an toàn tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi; Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi bền vững cho đoàn viên thanh niên và nông dân xã Trà Phú, huyện Trà Bồng,...

*** Về thủy sản:**

- Nhằm tạo ra đối tượng nuôi mới, chủ động con giống và phát triển nghề nuôi trồng thủy sản mới cho ngư dân ven biển, đã thử nghiệm thành công kỹ

thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen (*Hippocampus kuda* Pleeker 1852) tại tỉnh Quảng Ngãi. Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai thực hiện việc điều tra, đánh giá nguồn lợi cá dìa (*Siganus guttatus* Bloch, 1787) và xây dựng Hướng dẫn kỹ thuật ương cá dìa từ cỡ hạt dưa lên cá giống trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và trồng phục hồi thành công rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Để bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản đặc thù ở tỉnh, triển khai các đề tài về “Điều tra, đánh giá nguồn lợi và đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững cua Đẹp và Nhum sọ tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi”, xây dựng mô hình và hình thành nghề nuôi mới cho bà con ven biển tỉnh Quảng Ngãi. Bên cạnh đó, tiếp tục nghiên cứu sinh sản nhân tạo và nuôi thử nghiệm thương phẩm cá bóng cát sông Trà (*Glossogobius sparsipapillus*) tỉnh Quảng Ngãi, nhằm phát triển hơn nữa thương hiệu cá bóng sông Trà.

Từ 2016 đến nay, đã thực hiện xây dựng 82 mô hình, dự án ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ (Kế hoạch 35 mô hình, dự án) đạt 234% kế hoạch; Chuyển giao 120 lượt công nghệ mới nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi của tỉnh (Kế hoạch 35 lượt) gấp 3,4 lần kế hoạch; Tập huấn, bồi dưỡng cho 397 kỹ thuật viên cơ sở (Kế hoạch 150 Kỹ thuật viên) đạt 265% kế hoạch

b/ Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân

Giai đoạn 2016-2020, tỉnh Quảng Ngãi xác định nâng cao nhận thức cho cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân trong tỉnh về vai trò của hoạt động đổi mới sáng tạo trong sản xuất kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, hệ thống các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đổi mới thiết bị công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh hàng hóa trên thị trường làm mục tiêu chính. Và UBND tỉnh phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2016-2020, Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và Chương trình khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 và Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016. Đến nay các Chương trình này đã đạt một số kết quả:

*** Công tác tuyên truyền phổ biến**

Đã tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình ở cấp tỉnh, giới thiệu các nội dung của Chương trình cho hơn 100 doanh nghiệp và hơn 50 cán bộ làm công

tác quản lý trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các huyện: Đức Phổ, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Bình Sơn và Ban quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi tổ chức 07 Hội nghị truyền truyền Chương trình, có 320 đối tượng là công chức ở huyện, các doanh nghiệp, hợp tác xã và chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn các huyện, thành phố tham gia.

Tuyên truyền phổ biến nội dung Chương trình trên Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi (34 số) và Báo Quảng Ngãi (44 số). Xây dựng và phát hành 12 phóng sự trên Đài phát thanh- Truyền hình Quảng Ngãi. Quảng bá Chương trình trên Công thông tin điện tử của tỉnh và Bản tin Khoa học và Công nghệ. Thực hiện tuyên truyền Chương trình thông qua địa chỉ email cho hơn 570 tổ chức sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

**** Công tác đào tạo, tập huấn***

Song song với công tác thông tin tuyên truyền, công tác đào tạo, tập huấn cũng được Sở Khoa học và Công nghệ quan tâm đúng mức và tổ chức thực hiện kịp thời đảm bảo nội dung của Chương trình. Kết quả:

- Đã phối hợp với Viện Năng suất Chất lượng Việt Nam (Chi nhánh tại Đà Nẵng) tổ chức 05 khóa đào tạo nâng cao nhận thức, cung cấp kiến thức về năng suất chất lượng cho 162 lượt doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó, năm 2016: 01 khóa, năm 2017: 02 khóa và năm 2018: 02 khóa. Qua đào tạo, các doanh nghiệp đã nắm được vai trò và lợi ích của việc áp dụng các công cụ cải tiến cũng như các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong sản xuất của doanh nghiệp.

- Tổ chức 01 Hội thảo về Hoạt động đổi mới- sáng tạo nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả: 60 doanh nghiệp tham gia.

- Để nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất kinh doanh về tầm quan trọng của việc đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ và nâng cao năng lực quản lý về sở hữu trí tuệ ở các cơ quan, ban, ngành, địa phương, tỉnh đã phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Sở hữu trí tuệ và Chuyển giao công nghệ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức 03 khóa tập huấn cho hơn 300 lượt doanh nghiệp và cán bộ quản lý của các địa phương về các chủ đề như: Công tác thực thi quyền SHTT; nghiệp vụ sở hữu trí tuệ cho các cán bộ quản lý và các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh về việc lập hồ sơ đăng ký bảo hộ, khai thác và sử dụng hiệu quả nhãn hiệu hàng hoá và đặc sản làng nghề; nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý.

*** Kết quả hỗ trợ:**

- *Chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ*: Chương trình đã hỗ trợ cho 17 dự án đổi mới thiết bị, công nghệ trong sản xuất kinh doanh với tổng kinh phí hỗ trợ là 6,2 tỷ đồng. So với giai đoạn 2011-2015, Chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ giai đoạn 2016 – 2020 đã hỗ trợ tăng 340 % về số lượt doanh nghiệp (giai đoạn 2011 – 2015: 5 lượt), tăng 310% về kinh phí hỗ trợ (giai đoạn 2011 – 2016: 2,038 tỷ đồng). Chương trình đã tạo động lực và thu hút vốn của doanh nghiệp vào việc đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với tổng kinh phí trên 24,9 tỷ đồng, góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp, giảm tỉ lệ phế phụ phẩm, tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí nhân công, tăng thu nhập bình quân cho người lao động, tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Chương trình đã có hiệu ứng lan tỏa đáng kể ra các doanh nghiệp khác trong việc đổi mới thiết bị công nghệ góp phần thúc đẩy phong trào đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh trong những năm tiếp theo nhằm từng bước đưa doanh nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

- *Chương trình phát triển tài sản trí tuệ*: Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 đã xét duyệt, thẩm định hồ sơ và hỗ trợ cho 72 hồ sơ của 45 tổ chức doanh nghiệp, trong đó có 64 nhãn hiệu hàng hóa và 8 hồ sơ tham gia hội chợ/đạt giải thưởng Hội chợ quốc tế và thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam, tổng kinh phí hỗ trợ là 1,1 tỷ đồng. Từ năm 2016 đến nay có: 235 đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu (26 đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể, 14 đơn đăng ký nhãn hiệu chứng nhận; 195 đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường); 05 đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, 05 đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp. Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp 148 bằng bảo hộ nhãn hiệu (6 bằng bảo hộ độc quyền nhãn hiệu tập thể, 1 bằng bảo hộ độc quyền nhãn hiệu chứng nhận; 141 bằng bảo hộ độc quyền nhãn hiệu thông thường); 02 bằng bảo hộ độc quyền sáng chế; 02 bằng bảo hộ độc quyền kiểu dáng công nghiệp và 15 đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn hợp lệ.

So với giai đoạn 2011-2015, thì giai đoạn 2016-2020 số văn bằng được bảo hộ trong toàn tỉnh bình quân là 43,3 văn bằng/năm trong khi đó giai đoạn 2011 – 2015 chỉ đạt bình quân 36,4 văn bằng/năm. Chương trình KH&CN phát triển tài sản trí tuệ đã góp phần đưa hoạt động sở hữu trí tuệ tới gần hơn với người dân và doanh nghiệp, định hướng người tiêu dùng sử dụng sản phẩm đảm bảo chất lượng, chủ động truy cập nguồn gốc xuất xứ từ việc bảo hộ và quản lý quyền sở hữu trí tuệ, để qua đó nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa trên địa bàn, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

- *Chương trình nâng cao năng suất chất lượng*: Đến thời điểm báo cáo, Chương trình hỗ trợ 83 lượt doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm, hàng hóa và tham gia Giải thưởng Chất lượng với tổng số tiền ước tính 2.710 triệu đồng. Chương trình đã nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp trong việc áp dụng các công cụ cải tiến, các hệ thống quản lý tiên tiến; đã thu hút được các doanh nghiệp tham gia chương trình góp phần đáng kể trong việc nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp cũng như phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Một số doanh nghiệp sau khi áp dụng công cụ, mô hình nâng cao năng suất và chất lượng như 5S, LEAN... năng suất đã có sự cải thiện rõ rệt, tăng đến 20-30%

Tính đến thời điểm báo cáo, đã có 23 lượt doanh nghiệp đã được hỗ trợ tham gia và đạt Giải thưởng chất lượng Quốc gia và hàng Việt Nam chất lượng cao

c/ Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ quản lý, khai thác, phát triển tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường

Hoạt động nghiên cứu khoa học về tài nguyên khoáng sản, điều kiện tự nhiên, môi trường trên địa bàn tỉnh được chú trọng; đề khảo sát thực trạng và bảo vệ rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn, đã triển khai đề tài "Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật trồng phục hồi rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi". Trên cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn, đã đưa ra giải pháp phục hồi và tiến hành trồng phục hồi được 2 ha (3.422 tập đoàn) rạn san hô trên nền đáy tự nhiên, mô hình rạn san hô nhân tạo và vườn ươm san hô, góp phần phục hồi rạn san hô trong Khu bảo tồn biển ở Lý Sơn đang có nguy cơ suy giảm, nhằm tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường và phục vụ du lịch sinh thái biển.

d/ Chương trình phát triển khoa học xã hội và nhân văn

Hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cung cấp các luận cứ khoa học cho việc xây dựng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của tỉnh; Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Các đề tài nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn (12 đề tài) đã góp phần cung cấp cơ sở, luận cứ khoa học để đề ra chủ trương, ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội. Một số đề tài nghiên cứu đã đề xuất được các giải pháp để giải quyết các vấn đề mà thực tiễn đặt ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu biểu là các đề

tài: “Nghiên cứu về thực trạng và đề xuất các giải pháp hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong tỉnh”; “Nghiên cứu hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật trong thanh thiếu niên trong tỉnh”; “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi”; “Nhân rộng dịch vụ công hành chính trực tuyến mức độ 3 trở lên để phục vụ cho người dân và tổ chức”; “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng cháy, chữa cháy ở cơ sở trên địa bàn tỉnh”; “Phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng các xã ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Ngãi trong lãnh đạo phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc”; “Sưu tầm, dịch thuật, phân loại và đánh giá tư liệu Hán Nôm ở Quảng Ngãi”

Tiếp tục điều tra khảo sát và đề xuất các giải pháp về một số vấn đề mà thực tiễn đặt ra, như các đề tài: “Điều tra, đánh giá được thực trạng và đề xuất các giải pháp can thiệp đối với trẻ tự kỷ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; “Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống bệnh trầm cảm ở người cao tuổi tại TP. Quảng Ngãi”.

d/ Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Từ 2016 đến nay, có 05 nhiệm vụ về ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực y học nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc, khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân, đã thực hiện chuyên gia thành công kỹ thuật phẫu thuật điều trị trĩ bằng phương pháp Longo cho các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh Quảng Ngãi, nhằm giảm tải cho bệnh viện tuyến trên, giảm chi phí khám chữa bệnh cho bệnh nhân; tiến hành điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp can thiệp đối với trẻ tự kỷ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, nhằm điều tra, phân loại, đánh giá thực trạng trẻ tự kỷ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất giải pháp can thiệp điều trị trẻ tự kỷ tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh; Tiếp tục điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống bệnh trầm cảm ở người cao tuổi tại TP. Quảng Ngãi.

Để bảo tồn và phát triển nguồn dược liệu có giá trị và đang bị khai thác quá mức trong tự nhiên, đang triển khai đề tài: “Điều tra hiện trạng và giá trị nguồn dược liệu “ma-gang” ở tỉnh Quảng Ngãi làm cơ sở quản lý, sử dụng, bảo tồn và phát triển bền vững”; “Nghiên cứu thực nghiệm mô hình trồng và tiêu thụ Đảng sâm, Khôi nhung ở một số huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi”; “Xây dựng mô hình trồng, bảo tồn và phát triển cây dược liệu Bảy lá một hoa (Thất diệp nhất chi hoa) (*Paris polyphilla*) tại 3 huyện (Ba Tơ, Sơn Tây và Trà Bồng)”; “Nghiên cứu thực nghiệm mô hình liên kết trồng và tiêu thụ Tam thất bắc (*Panax notoginseng* (Burk F.H. Chen)) ở một số huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi”,...

2.2. Phát triển tiềm lực KH&CN

Trên cơ sở điều kiện hiện trạng về tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh, Sở Khoa học và công nghệ xác định việc phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ phải được đầu tư đồng bộ cả về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

Giai đoạn 2016 đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt đầu tư 02 dự án phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ. Trong đó, 01 dự án Phòng thí nghiệm công nghệ sinh học cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và 01 dự án đầu tư về chiều sâu cho công tác kiểm nghiệm, thử nghiệm.

Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 29 phòng thử nghiệm, thí nghiệm thuộc các lĩnh vực khác nhau. Trong đó, có 22 phòng thử nghiệm chuyên ngành xây dựng.

2.3. Phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

*** Phát triển doanh nghiệp KH&CN:**

Để khuyến khích, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 việc phê duyệt “Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ và tổ chức khoa học công nghệ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Đến nay có 06 doanh nghiệp KH&CN được thành lập.

*** Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo**

Trên cơ sở Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2020 tại Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 01/6/2018. Tuy nhiên, qua thời gian triển khai nhận thấy, các hoạt động được tổ chức rời rạc, chưa tạo được sự kết nối chặt chẽ giữa các thành phần trong hệ sinh thái. Trong khi đó, các đơn vị đều tham mưu ban hành một chương trình kế hoạch riêng về hỗ trợ, thúc đẩy khởi nghiệp cho các đối tượng do mình quản lý, các kế hoạch này có nhiều nội dung đan xen, trùng lặp nhau về công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn,... dẫn đến việc tổ chức triển khai đôi khi chồng chéo, gây lãng phí.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 về việc phê duyệt kế hoạch “Xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn

2019-2020, định hướng đến năm 2025” và đến nay được thay thế bằng Kế hoạch số 36/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 về phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2025. Nhìn chung, trong thời gian qua, hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã có những bước khởi sắc đáng ghi nhận:

Các hoạt động tuyên truyền được thực hiện đồng bộ như: Xây dựng chuyên mục «Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo» trên Báo Quảng Ngãi, chuyên mục «Câu chuyện khởi nghiệp» trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh, tổ chức Ngày hội truyền lửa khởi nghiệp cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên toàn tỉnh, ...đã tạo nên không khí khởi nghiệp lan tỏa đến nhiều thành phần; năng lực của hệ sinh thái cũng được nâng cao thông qua lớp đào tạo kỹ năng hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho đội ngũ cán bộ tác các cơ quan, đơn vị liên quan, giảng viên các trường ĐH, CĐ, THPT, câu lạc bộ hỗ trợ khởi nghiệp,... ;

Hội thảo xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh với sự tham gia của khoảng 150 khách mời, chủ yếu là lãnh đạo các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các trường ĐH, CĐ,.. bước đầu đã thay đổi tư duy của các cấp lãnh đạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Tổ chức thành công Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 1 năm 2019. Cuộc thi đã thu hút được 62 dự án ý tưởng tham gia với nhiều đối tượng khác nhau. Tại Vòng chung kết, Ban giám khảo đã chọn ra 9 dự án xuất sắc để trao giải, trong đó có 04 dự án được kết nối để ươm tạo tại Vườn ươm khởi nghiệp Sông Hàn (Đà Nẵng). Trong đó, có 01 dự án được chọn tham gia Cuộc thi tìm kiếm tài năng khởi nghiệp sáng tạo quốc gia.

Đặc biệt, tỉnh tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 1 năm 2019. Ngày hội Khởi nghiệp - Techfest Quảng Ngãi lần thứ nhất năm 2019 gồm các hoạt động đa dạng như: Trưng bày sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chung kết Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi và Cuộc thi tìm kiếm tài năng thanh niên tỉnh Quảng Ngãi; chia sẻ của các diễn giả; kết nối nhà đầu tư và Hội thảo “Xác định lợi thế cạnh tranh của khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi” đã tạo ra sức lan tỏa mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh, thu hút sự quan tâm chú ý, hỗ trợ của các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, tạo ra sự kết nối giữa các yếu tố trong hệ sinh thái khởi nghiệp tỉnh Quảng Ngãi và là cơ sở, nền tảng để xây dựng các chính sách phù hợp để hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh nhà trong thời gian tới.

Có thể nói rằng, hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đang được triển khai mạnh mẽ, đúng hướng và sẽ góp phần mạnh mẽ vào việc phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

2.4. Công tác đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân, thực hiện các cơ chế, chính sách về sở hữu trí tuệ:

- Thực hiện Thông tư số 25/2014/TT-BKH&CN ngày 08/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, UBND tỉnh trình Bộ KH&CN phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 1304/QĐ-BKH&CN ngày 29/5/2017. Theo đó, tỉnh ban hành các văn bản để triển khai thực hiện từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về an toàn bức xạ, ứng phó sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

+ Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Kế hoạch hoạt động triển khai ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

+ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

+ Quyết định số 01/QĐ-BCH ngày 15/6/2018 của Ban Chỉ huy ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

+ Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế phối hợp giữa các tổ chức, cá nhân tham gia chuẩn bị ứng phó, ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh;

+ Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức Diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2018;

+ Quyết định số 212/QĐ-BCH ngày 11/12/2018 của Ban Chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kịch bản Diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2018.

+ Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Thực hiện Chỉ thị Số 14/CT-UBND ngày 27/8/2012 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Trên cơ sở Chỉ thị đã được ban hành, hàng năm tỉnh phối hợp với các cơ quan chức

năng đẩy mạnh công tác quản lý, tuyên truyền, hướng dẫn và thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 01/12/2018 phê duyệt Kế hoạch “Xây dựng phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020”. Việc ban hành Kế hoạch góp phần đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm hàng hoá đặc trưng, thế mạnh của tỉnh, vốn sẽ mang đến lợi ích lâu dài và bền vững cho nhiều tập thể người dân lao động ở các địa phương, nhất là các vùng nông thôn và miền núi.

- Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao nhận thức cho các cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân là hoạt động được chú trọng trong công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ tại địa phương. Từ năm 2016 đến nay, tỉnh đã tổ chức 05 lớp tập huấn nghiệp vụ sở hữu trí tuệ cho các cán bộ quản lý và các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, đã thu hút 520 cá nhân tham gia. Qua đó, đã nâng cao nhận thức về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu hàng hoá nói chung và đặc sản làng nghề tại địa phương nói riêng, đồng thời góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ trong việc lập hồ sơ đăng ký bảo hộ, khai thác và sử dụng hiệu quả nhãn hiệu cho các cán bộ quản lý và các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tỉnh đã triển khai đa dạng các hình thức tuyên về sở hữu trí tuệ như: Treo băng rôn hưởng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4/2018, đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Bên cạnh công tác đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về sở hữu trí tuệ, tỉnh Quảng Ngãi cũng thường xuyên hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền SHCN. Số lượng đơn đăng ký và giấy chứng nhận độc quyền được cấp tăng so những năm trước

2.5. Thông tin và thông kê KH&CN

Trong những năm qua, hoạt động thông tin và thông kê KH&CN đã tập trung tuyên truyền, quảng bá hoạt động KH&CN; các nhiệm vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó chú trọng hoạt động ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp. Đến nay đã thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, các ấn phẩm thông tin KH-CN được hoàn thành và phát hành đúng tiến độ, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin đến bạn đọc và người dân trong tỉnh, với một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Xuất bản 06 số/năm Bản tin “Thông tin Khoa học và Công nghệ”.

- Thực hiện 24 số/năm chuyên mục "Khoa học, Công nghệ và đời sống" phát trên sóng phát thanh và truyền hình, Đài PT-TH Quảng Ngãi.

- Quản trị và cập nhật thông tin trang thông tin trung bình, hàng năm khoảng 150 tin, bài, văn bản; Quản trị và cập nhật Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi. Trung bình, hàng năm khoảng 300 tin, bài, văn bản.

- Thực hiện phóng sự tuyên truyền về An toàn bức xạ và hạt nhân; Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2016-2020” phát trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh.

- Tổ chức Hội nghị phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức sản xuất nông sản sạch, nông sản hữu cơ; Hội thảo “Ứng dụng CNSH trong chăn nuôi an toàn và phát triển bền vững”.

- Thực hiện các phim tư liệu phục vụ cho hoạt động của Sở như phim tư liệu về kết quả hoạt động KH&CN 5 năm của Sở (2011-2015) phục vụ Hội nghị đón nhận Huân chương lao động hạng Nhì của Sở; phim tư liệu quyền sở hữu công nghiệp; phim tư liệu phục vụ đoàn công tác của Bộ KH&CN về làm việc với Sở; phim tư liệu về Quyền sở hữu công nghiệp đối với doanh nghiệp Quảng Ngãi phục vụ Hội nghị tập huấn SHTT của Sở; phim tư liệu phản ánh các lần tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh; phim tư liệu phục vụ các lần tham dự Hội nghị giao ban KH&CN các tỉnh vùng Nam Trung bộ - Tây Nguyên; phim tư liệu về các đề tài dự án KH&CN hàng năm...

- Thực hiện hoàn thành đề tài cơ sở “Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực khoa học và công nghệ Quảng Ngãi”.

- Hoàn thành báo cáo tổng kê KH&CN hàng năm gửi Cục Thông tin KH&CN Quốc gia.

- Thực hiện công tác Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Gửi thông tin về kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm cho Cục Thông tin KH&CN Quốc gia; Cấp giấy chứng nhận kết quả cho đề tài, dự án nghiệm thu hàng năm. Từ năm 2016 đến tháng 4/2020 đã cấp 55 giấy chứng nhận cho các nhiệm vụ KH&CN.

2.6. Công tác cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực KH&CN

a) Công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.

- Cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa TTHC trên các lĩnh vực QLNN thuộc phạm vi quản lý theo quy định: Năm 2018 - 2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 và Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 về việc phê duyệt Danh mục TTHC được

rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Khoa học và Công nghệ gồm 12 TTHC.

- Về kiểm soát TTHC:

+ Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Hàng năm, đều ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC.

+ Việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính về tình hình kết quả giải quyết TTHC về KH&CN: Trong giai đoạn 2011 - 2020, tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết xong 02 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; không có đơn thư kiến nghị cũng như các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đối với thủ tục hành chính về KH&CN.

+ Việc cập nhật, công bố TTHC theo quy định: Hàng năm, xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính. Thường xuyên rà soát, cập nhật Quyết định công bố thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi quản lý do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

- Công khai thủ tục hành chính theo quy định: tỉnh đã niêm yết công khai Bộ thủ tục hành chính, trình tự và thời gian giải quyết các thủ tục hành chính về KH&CN và đăng tải toàn bộ nội dung lên Trang Thông tin điện tử tỉnh gồm 62 TTHC, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh. Thực hiện công khai 58 TTHC tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trừ 04 TTHC thuộc lĩnh vực tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo không đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định).

- Kết quả tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa” về KH&CN thực hiện năm 2011 đến tháng 3/2020, đã tiếp nhận 496 hồ sơ, thực hiện giải quyết và trả kết quả sớm và đúng hạn 471 hồ sơ, 25 hồ sơ đang xử lý chưa đến hạn trả kết quả.

- Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: Đã xây dựng và cung cấp 01 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, gồm: Thủ tục “Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)”, thủ tục “Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)” và thủ tục “Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)”; hiện nay đang tiếp tục phối hợp để xây dựng, cung cấp thêm 07 TTHC trực tuyến mức độ 3, 4.

b) Kết quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 đối với cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến thời điểm hiện tại có 45/45 cơ quan hành chính nhà nước (CQHCCNN) thuộc đối tượng bắt buộc xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001 đã hoàn thành việc xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001 (trong đó có 17/45 CQHCCNN đã công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015; 28/45 CQHCCNN đã công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2008, dự kiến hoàn thành chuyển đổi áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2020); 173/173 UBND cấp xã hoàn thành việc xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015.

2.7. Tài chính hoạt động KH&CN giai đoạn 2016-2020

Phụ lục 1 kèm theo

ĐÁNH GIÁ CHUNG

*** Kết quả thực hiện**

Thời gian qua, hoạt động khoa học và công nghệ luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, động viên khích lệ từ Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy và UBND tỉnh cùng với sự phối hợp có trách nhiệm của các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố. Do vậy, hoạt động khoa học và công nghệ đạt được một số kết quả nhất định.

Bám sát Nghị quyết, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh cho giai đoạn 2016-2020, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cho cả giai đoạn 2016-2020. Hàng năm đã tổ chức triển khai và hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch đề ra hàng năm. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN tập trung hướng vào phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với xây dựng nông thôn mới. Các dự án ứng dụng KH&CN bước đầu đã đạt được những kết quả có giá trị, phát huy hiệu quả vào sản xuất và đời sống của người dân. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp đã giữ vai trò quan trọng và là động lực cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững. Bước đầu đã tổ chức triển khai các dự án quy mô diện tích lớn, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt đã hình thành được một số dự án theo chuỗi giá trị có sự liên kết với doanh nghiệp, Hợp tác xã với tư cách là đơn vị chủ trì dự án, bước đầu đã đem lại hiệu quả tốt và thu nhập của người dân được nâng lên. Bên cạnh đó, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn đã kịp thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách, giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được chú trọng tăng cường về mọi mặt về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đề ra; đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Công tác triển khai áp dụng ISO hành chính công tại các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh đã dần đi vào nề nếp và nhận được sự quan tâm thực hiện của các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần xây dựng một nền hành chính hiện đại theo hướng công khai, minh bạch và hoạt động có hiệu quả theo mục tiêu chương trình cải cách hành chính chung của tỉnh.

Công tác thẩm định công nghệ đã thực hiện đảm bảo đúng quy định, góp phần hạn chế đầu tư công nghệ lạc hậu vào địa bàn tỉnh. Công tác quản lý an toàn bức xạ được tăng cường, sâu sát; thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn bức xạ (cấp phép cho thiết bị X-quang trong y tế) thực hiện đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nhìn chung, đa số các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang trong y tế đều có Giấy phép khi đi vào hoạt động, chấp hành tốt công tác bảo đảm an toàn bức xạ trong quá trình hoạt động; thực hiện tốt công tác kiểm định thiết bị, kiểm xạ môi trường tại đơn vị đúng quy định; nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn đều được đào tạo theo quy định. Trong thời gian qua không có trường hợp nhân viên bức xạ vượt quá liều chiếu xạ cho phép. Các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ đều khai báo đúng quy định với Sở. Công tác an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ trong các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ được đảm bảo và không có sự cố về bức xạ và hạt nhân xảy ra.

Hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Công tác hướng dẫn doanh nghiệp trong việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện thường xuyên. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về sở hữu trí tuệ được chú trọng triển khai, nhờ đó, các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng có nhận thức đúng đắn hơn về sở hữu trí tuệ. Cùng với công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ cũng được thực hiện thường xuyên ở các cơ quan chuyên môn.

Các Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 đã đã góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về việc áp dụng khoa học và công nghệ để nâng cao trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp trong việc đổi mới công nghệ sản xuất, bảo hộ nhãn hiệu, trưng bày, quảng bá sản phẩm, từng bước hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Đặc biệt, một số doanh nghiệp sau khi áp dụng công cụ, mô hình nâng cao năng

suất và chất lượng như 5S, LEAN... năng suất đã có sự cải thiện rõ rệt, tăng đến 20-30%.

Hoạt động xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo được triển khai một cách mạnh mẽ và đúng hướng. Bước đầu đã tạo được nhận thức về khởi nghiệp sáng tạo trong tầng lớp thanh niên, sinh viên, phụ nữ, ... góp phần thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Công tác thanh, kiểm tra đã có sự điều chỉnh kịp thời theo yêu cầu của thực tiễn và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm. Nội dung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những nội dung, lĩnh vực như tiêu chuẩn đo lường chất lượng xăng dầu; vàng trang sức, mỹ nghệ; an toàn bức xạ và an ninh nguồn phóng xạ; sở hữu trí tuệ, nhãn hàng hóa; đề tài, dự án khoa học công nghệ... để phòng ngừa và phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục những bất cập, sơ hở trong quản lý, trong ban hành chính sách, pháp luật; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học công nghệ trên địa bàn, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

*** Tồn tại, nguyên nhân**

Bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh còn bộc lộ những hạn chế sau:

- Hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN cấp huyện còn lúng túng, công tác phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ và UBND các huyện/thành phố để quản lý hoạt động KH&CN trên địa bàn chưa được thực hiện tốt và thống nhất; biên chế của huyện/thành phố bố trí cho công việc quản lý hoạt động KH&CN chỉ 01 biên chế kiêm nhiệm chưa có biên chế chuyên trách nên nguồn nhân lực để thực hiện quản lý và tham mưu cho UBND huyện/thành phố về lĩnh vực KH&CN chưa đáp ứng được yêu cầu; công tác báo cáo về hoạt động KH&CN chưa được phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện đúng quy định.

- Phần lớn doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh là các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, dẫn đến việc tiếp cận và tham gia Các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của nhiều doanh nghiệp còn hạn chế.

- Chưa có những nghiên cứu, ứng dụng có tác động lớn và căn bản đến sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Xuất phát từ tiềm lực KH&CN trên địa bàn tỉnh còn thiếu và yếu, chưa có những tổ chức KH&CN đủ mạnh cũng như các nhà khoa học đầu đàn trong các ngành, lĩnh vực.

- Chương trình sở hữu trí tuệ chưa có nhiều nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận được cấp bằng để được hỗ trợ. Nguyên nhân là do thời gian từ lúc nộp hồ sơ đăng ký đến thời gian Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng bảo hộ mấy ít nhất

là 12 tháng. Tuy nhiên, giai đoạn từ năm 2018 trở về trước, nhận thức của lãnh đạo các huyện, thành phố về lợi ích của việc bảo hộ nhãn hiệu tập thể nhãn hiệu chứng nhận đối với phát triển kinh tế-xã hội còn nhiều hạn chế. Do đó, chưa chủ động chỉ đạo việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm đặc thù của địa phương.

- Việc thành lập doanh nghiệp KH&CN chưa đạt được chỉ tiêu của KH 2835/KH-UBND ngày 29/7/2013 (đến năm 2020 thành lập từ 15-20 doanh nghiệp KH&CN). Nguyên nhân chủ yếu là tiềm lực KH&CN của tỉnh còn nhiều hạn chế dẫn đến số lượng tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nghiên cứu làm chủ công nghệ rất ít, không đủ điều kiện để thành lập doanh nghiệp KH&CN.

II. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

1. Định hướng, nhiệm vụ chủ yếu

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết 52/NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 17/4/2019 của Chính phủ về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Chỉ thị 17/2007/CT-UBND ngày 19/6/2007 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong quản lý, sản xuất kinh doanh; Kết luận số 06-KL/TW ngày 01/9/2016 của BCH Trung ương về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của ban Bí thư khóa IX Trung ương về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Các chỉ tiêu về phát triển khoa học và công nghệ xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX. Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021 - 2025 của UBND tỉnh. Giai đoạn 2021-2025 tập trung các nhiệm vụ sau:

a/ Đầu tư tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp cơ sở vật chất

* Đầu tư phát triển: Tập trung các dự án phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh như sau:

- Văn phòng hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi

- Nâng cao năng lực thông tin và thống kê KH&CN
- Đầu tư thiết bị phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
- Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp huyện Sơn Hà
- Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi
- Phòng thí nghiệm cơ điện tử phục vụ đào tạo và nghiên cứu tại Trường ĐH Phạm Văn Đồng
- Phòng thực nghiệm hệ thống điều khiển trên xe ô tô hiện đại của Trường Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi
- Phòng thí nghiệm tự động hóa của Trường Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi
- Phòng học đa phương tiện và phòng thực hành mạng của Trường Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi
- Mô hình công nghệ sản xuất tự động hóa hàng may công nghiệp của Trường Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi
- * Tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp cơ sở vật chất
- Sửa chữa trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ
- Tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp Trại Nghiên cứu thực nghiệm và Chuyển giao công nghệ: Xây dựng vườn ươm giống phục vụ nhân giống các loại cây trồng phục vụ sản xuất và đời sống; Nâng cấp, cải tạo hợp lý hóa dây chuyền sản xuất bịch phân ủ và nấm dược liệu; Cải tạo nhà chăn nuôi Xây dựng tường rào bao quanh khu vực Trại; Trồng vành đai cây xanh bảo vệ các vườn cây đầu dòng và tạo cảnh quang;...
- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường. Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường, kinh phí theo Đề án 996/QĐ-TTg “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn năm 2025, định hướng đến năm 2030

b/ Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ

Cơ cấu lại các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh đã được UBND tỉnh xác định tại Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp

hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Kế hoạch số 151/KH-UBND có thể xem là khung kế hoạch nghiên cứu ứng dụng KH&CN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025

c/ Khởi động triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025, gồm:

- Xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Chương trình phát triển tài sản trí tuệ

- Chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ

- Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025

- Đề án hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2020-2025

- Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ và tổ chức khoa học công nghệ

d/ Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước khác

- Hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện các dự án KH&CN nhằm áp dụng các kết quả KH&CN trên địa bàn các huyện/thành phố; tăng cường quản lý hoạt động KH&CN cấp huyện, thành phố; trang bị cơ sở vật chất, bố trí nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý KH&CN ở địa phương.

- Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh thông qua các hoạt động tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, tổ chức cuộc thi ý tưởng sáng tạo, hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Công tác thanh tra tập trung thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; an toàn bức xạ và hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ; thanh tra các chương trình đề tài, dự án KH&CN.

- Công tác quản lý công nghệ, an toàn bức xạ: Tập trung hiện tốt công tác thẩm định công nghệ; Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; tổ chức chặt chẽ việc khai báo và quản lý số liệu tại các cơ sở bức xạ; thẩm định và cấp phép sử dụng thiết bị bức xạ.

- Công tác Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng: Tổ chức kiểm tra về chất lượng, đo lường, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý, kiểm định phương tiện đo, kiểm nghiệm mẫu đáp ứng kịp thời những nhu cầu của xã hội, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

(Phụ lục 2 và 4 kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025 của Sở Khoa học và Công nghệ, kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thành